

MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÂN CẤP TÀI CHÍNH VÀ CHÊNH LỆCH THU NHẬP THEO ĐỊA PHƯƠNG: NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI VIỆT NAM

TS. Trần Hoàng Minh*

Nghiên cứu đánh giá tác động của phân cấp tài chính đến chênh lệch thu nhập giữa các địa phương tại Việt Nam giai đoạn 2015-2024. Sử dụng mô hình dữ liệu bảng cấp tỉnh với hồi quy hiệu ứng cố định và sai số chuẩn Driscoll-Kraay, kết quả cho thấy phân cấp tài chính, tập trung sản xuất và độ mở thương mại đều làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập vùng. Trong bối cảnh thiếu điều tiết và thể chế chưa đồng đều, quyền tự chủ tài khóa có thể khuếch đại chênh lệch thu nhập. Nghiên cứu đề xuất cải cách chuyển giao tài khóa, tăng minh bạch tài chính địa phương và ưu tiên đầu tư công có tính lan tỏa.

• Từ khóa: phân cấp tài chính; chênh lệch thu nhập; bất bình đẳng; đầu tư công; hội nhập thương mại.

This study assesses the impact of fiscal decentralization on inter-provincial income inequality in Vietnam during the period 2015-2024. Using provincial panel data with fixed-effects regression and Driscoll-Kraay standard errors, the results show that fiscal decentralization, industrial agglomeration, and trade openness all contribute to widening regional income disparities. In the absence of effective equalization mechanisms and institutional coherence, fiscal autonomy may exacerbate inequality. The study recommends reforming intergovernmental fiscal transfers, enhancing local fiscal transparency, and prioritizing public investment with positive spillover effects.

• Key words: fiscal decentralization; income inequality; disparity; public investment; trade openness.

JEL codes: H77, O15, R11, C23, H61

Ngày nhận bài: 13/5/2025

Ngày gửi phản biện: 20/5/2025

Ngày chấp nhận đăng: 03/9/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i297.08>

1. Giới thiệu

Trong tiến trình đổi mới và hội nhập, Việt Nam đã đẩy mạnh phân cấp tài chính nhằm nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách và tăng quyền tự chủ cho địa phương. Khung pháp lý từng bước được hoàn thiện, đặc biệt với Luật Ngân sách Nhà nước (2002, sửa đổi 2015), cho phép các tỉnh, thành phố chủ động hơn trong chi tiêu công và lập kế hoạch tài khóa.

Tuy nhiên, đi cùng với phân cấp là xu hướng gia tăng chênh lệch thu nhập giữa các vùng. Các địa

phương phát triển như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội hay Bình Dương có mức thu nhập bình quân cao và khả năng thu ngân sách lớn, trong khi nhiều tỉnh miền núi, Tây Nguyên hay Đồng bằng sông Cửu Long vẫn gặp khó khăn về thu nhập, đầu tư và dịch vụ công. Báo cáo World Bank (2022) cho thấy bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam tuy không cao ở cấp quốc gia, nhưng phân hóa mạnh ở cấp địa phương.

Từ thực tiễn đó, nghiên cứu này đặt ra câu hỏi: Phân cấp tài chính ảnh hưởng như thế nào đến bất bình đẳng thu nhập giữa các tỉnh ở Việt Nam? Trả lời câu hỏi này không chỉ góp phần làm rõ tác động của phân cấp tài khóa, mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn cho điều chỉnh chính sách phát triển vùng và cải cách hệ thống ngân sách công.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Phân cấp tài chính và bất bình đẳng thu nhập: Một mối quan hệ không đồng nhất

Mối liên hệ giữa phân cấp tài chính và bất bình đẳng thu nhập vùng vẫn còn nhiều tranh luận cả về lý thuyết và thực nghiệm. Một số học giả (Oates, 1972; Rodríguez-Pose & Gill, 2003) cho rằng tăng quyền tự chủ tài khóa giúp chính quyền địa phương điều chỉnh chính sách phù hợp với nhu cầu địa phương, từ đó thúc đẩy phát triển toàn diện và thu hẹp khoảng cách thu nhập. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu phản biện (Shankar & Shah, 2001; Qiao et al., 2002) lại chỉ ra rằng, trong điều kiện thể chế yếu hoặc thiếu cơ chế điều tiết, phân cấp có thể làm trầm trọng thêm bất bình đẳng vùng.

Sự không đồng nhất này chủ yếu đến từ hai yếu tố: (1) Cấu trúc và mức độ phân cấp (như phân cấp thu hay chi, có hay không cơ chế chuyển giao tài khóa) và (2) Năng lực quản trị địa phương. Trong môi trường thể chế minh bạch, với hệ thống phân bổ ngân sách dựa trên nhu cầu và khả năng giám sát tốt, phân cấp có

* Học viện Chính sách và Phát triển; email: minhth@apd.edu.vn

thể góp phần giảm bất bình đẳng. Ngược lại, trong các nền kinh tế đang phát triển, phân cấp tài chính không đi kèm với cơ chế phân phối lại thường dẫn đến "vòng xoáy phân hóa", nơi các địa phương giàu tiếp tục tích lũy lợi thế, trong khi các địa phương yếu kém bị tụt lại phía sau (Qiao et al., 2002).

2.2. Hướng tiếp cận thực nghiệm: Mô hình hóa tác động và các yếu tố trung gian

Nhiều nghiên cứu sử dụng mô hình dữ liệu bảng (panel data) để đo lường tác động của phân cấp tài chính đến bất bình đẳng thu nhập vùng. Biến phụ thuộc thường là hệ số Gini, độ lệch chuẩn, hoặc khoảng cách GRDP bình quân đầu người giữa các địa phương. Chỉ số phân cấp tài chính - biến độc lập chính - thường được biểu thị bằng tỷ lệ chi hoặc thu ngân sách địa phương trên tổng ngân sách nhà nước (Martinez-Vazquez & McNab, 2003).

Để làm rõ cơ chế tác động, các nghiên cứu thường bổ sung các biến trung gian như mức độ tập trung sản xuất (agglomeration), độ mở thương mại, quy mô dân số, đô thị hóa hoặc năng lực thể chế. Chẳng hạn, Shankar và Shah (2001) cho thấy sự tập trung sản xuất tại các đô thị lớn là nguyên nhân gia tăng bất bình đẳng, đặc biệt khi phân cấp tài chính thiếu điều tiết hiệu quả. Ngược lại, Rodríguez-Pose & Gill (2003) nhấn mạnh vai trò của thể chế địa phương trong việc phát huy hiệu quả của quyền tự chủ tài khóa.

Về kỹ thuật, nhiều nghiên cứu gần đây áp dụng các mô hình kinh tế lượng nâng cao như tác động cố định (Fixed Effects), sai số hiệu chỉnh Driscoll-Kraay, hoặc ước lượng hệ phương trình đồng thời (2SLS) nhằm xử lý các vấn đề về nội sinh và phương sai sai số không đồng nhất theo không gian - thời gian.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên cơ sở lý thuyết về phân cấp tài chính và bất bình đẳng thu nhập, cũng như tổng quan các nghiên cứu thực nghiệm trong và ngoài nước, nghiên cứu này đề xuất ba giả thuyết chính nhằm kiểm định mối quan hệ giữa phân cấp tài chính và chênh lệch thu nhập giữa các địa phương tại Việt Nam, đồng thời xem xét vai trò điều tiết của các yếu tố kinh tế trung gian:

H1: Phân cấp tài chính có tác động làm gia tăng chênh lệch thu nhập giữa các địa phương.

H2: Mức độ tập trung sản xuất cao dẫn đến bất bình đẳng thu nhập cao hơn.

H3: Độ mở thương mại cao hơn có thể làm gia tăng chênh lệch thu nhập giữa các địa phương.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Để kiểm định các giả thuyết đặt ra, nghiên cứu xây dựng mô hình hồi quy dữ liệu bảng (panel data regression) theo cấp tỉnh/thành phố trong giai đoạn từ năm 2008 đến 2022. Cách tiếp cận này cho phép khai thác sự biến động cả theo thời gian và không gian, đồng thời kiểm soát

được các yếu tố bất biến không quan sát được tại từng địa phương và từng năm - vốn có thể gây sai lệch trong việc xác định mối quan hệ nhân quả (Baltagi, 2005).

Mô hình tổng quát được trình bày như sau:

$$IG_{it} = \beta_0 + \beta_1 DECENT_{it} + \beta_2 AGGLO_{it} + \beta_3 OPEN_{it} + \gamma_i + \delta_t + \varepsilon_{it}$$

Trong đó:

IG_{it} : Mức độ chênh lệch thu nhập của tỉnh i tại thời điểm t

$DECENT_{it}$: Mức độ phân cấp tài chính của tỉnh

$AGGLO_{it}$: Mức độ tập trung sản xuất - đại diện cho mức độ phân bố công nghiệp và hoạt động kinh tế

$OPEN_{it}$: Độ mở thương mại - phản ánh mức độ hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp tỉnh.

γ_i : Hiệu ứng cố định tỉnh - để kiểm soát các đặc điểm không thay đổi theo thời gian của từng địa phương.

δ_t : Hiệu ứng năm - kiểm soát các cú sốc vĩ mô chung cho toàn quốc.

ε_{it} : Sai số ngẫu nhiên.

Các biến sử dụng trong mô hình được xác định và đo lường như sau:

Bảng 1. Bảng tổng hợp các biến nghiên cứu

Nhóm biến	Tên biến	Mô tả	Phương pháp đo lường	Nguồn dữ liệu	Tham khảo từ nghiên cứu
Biến phụ thuộc	IG	Mức chênh lệch thu nhập của tỉnh so với trung bình cả nước	GRDP bình quân đầu người của tỉnh i / GDP bình quân đầu người toàn quốc	GSO, World Bank	Qiao et al. (2002); Shankar & Shah (2001); Pham (2020)
Biến độc lập chính	DECENT ₁	Mức độ phân cấp chi ngân sách	Tổng chi ngân sách địa phương / Tổng chi ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	Martinez-Vazquez & McNab (2003); Nguyễn & Lê (2019)
	DECENT ₂	Mức độ tự chủ tài chính địa phương	Tổng thu ngân sách địa phương / Tổng chi ngân sách địa phương	Bộ Tài chính	Trần & Phan (2021)
Biến kiểm soát	AGGLO	Mức độ tập trung sản xuất tại một tỉnh	GRDP của tỉnh i / GDP quốc gia	GSO	Henderson (2003); Rodríguez-Pose & Gill (2003)
	OPEN	Độ mở thương mại tại cấp tỉnh	Giá trị XK + NK của tỉnh / GRDP của tỉnh	Tổng cục Hải quan, GSO	Rodríguez-Pose & Gill (2003); World Bank (2022)

Nguồn: Tác giả tổng hợp

3.3. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu bảng (panel data) cân bằng (balanced panel) của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam trong giai đoạn 11 năm, từ 2012 đến 2022. Việc lựa chọn giai đoạn này cho phép phân tích tác động của Luật Ngân sách Nhà nước 2015 và các xu hướng kinh tế vĩ mô quan trọng gần đây, đồng thời đảm bảo tính sẵn có và nhất quán của dữ liệu. Tổng số quan sát trong mẫu là 693 (63 tỉnh × 11 năm). Dữ liệu được tổng hợp từ các nguồn chính thức bao gồm:

- Dữ liệu kinh tế vĩ mô cấp tỉnh (GRDP, dân số, giá trị xuất nhập khẩu): Được thu thập từ Niên giám Thống kê các tỉnh, thành phố và Niên giám Thống kê Quốc gia do Tổng cục Thống kê (GSO) công bố hàng năm.

- Dữ liệu tài chính công (thu, chi ngân sách địa phương): Được trích xuất từ các báo cáo công khai ngân sách nhà nước hàng năm do Bộ Tài chính công bố.

- Dữ liệu kinh tế vĩ mô quốc gia (GDP, GDP bình quân đầu người): Được lấy từ cơ sở dữ liệu của Ngân

hàng Thế giới (World Bank) và Tổng cục Thống kê để đảm bảo tính so sánh quốc tế.

3.4. Quy trình ước lượng và xử lý số liệu

Để đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh của dữ liệu, các biến giá trị danh nghĩa được điều chỉnh lạm phát về giá so sánh năm 2010. Đồng thời, phép biến đổi logarit tự nhiên được sử dụng cho các biến có phân phối lệch nhằm ổn định phương sai và giúp diễn giải hệ số hồi quy theo độ co giãn.

Các đặc tính cố định, không quan sát được của mỗi địa phương (như vị trí địa lý, văn hóa), có thể đồng thời tác động đến cả biến phụ thuộc và các biến độc lập, từ đó làm sai lệch mối quan hệ nhân quả cần ước lượng. Để loại bỏ ảnh hưởng của các yếu tố này, mô hình hồi quy Tác động Cố định (Fixed Effects - FE) được ưu tiên lựa chọn. Sự phù hợp của mô hình FE được xác thực thông qua kết quả của kiểm định Hausman, vốn bác bỏ giả thuyết về sự phù hợp của mô hình Tác động Ngẫu nhiên (Random Effects).

Nhằm giải quyết đồng thời hiện tượng tự tương quan và phụ thuộc chéo trong sai số vốn phổ biến trong dữ liệu vĩ mô cấp địa phương nghiên cứu sử dụng sai số chuẩn Driscoll-Kraay (1998). Phương pháp này cung cấp các ước lượng vững chắc, đặc biệt hiệu quả với cấu trúc dữ liệu bảng có số chiều không gian lớn hơn số chiều thời gian ($N > T$) như trong nghiên cứu này (Hoechle, 2007).

Một thách thức quan trọng khác là khả năng tồn tại vấn đề nội sinh, vốn có thể phát sinh từ quan hệ nhân quả hai chiều (ví dụ, mức thu nhập cao hơn có thể là điều kiện để một địa phương được trao thêm quyền tự chủ tài khóa). Nhằm kiểm định độ vững chắc của kết quả và củng cố cho các suy luận nhân quả, một phân tích bổ sung bằng phương pháp Hồi quy bình phương tối thiểu hai giai đoạn (2SLS) được thực hiện. Sự nhất quán giữa kết quả của mô hình FE và 2SLS sẽ là một bằng chứng mạnh mẽ, khẳng định độ tin cậy của các kết luận nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Ma trận tương quan Pearson

Bảng 2. Ma trận tương quan Pearson giữa các biến nghiên cứu

Biến	IG	DECENT_1	DECENT_2	AGGLO	OPEN
IG	1	0.427**	0.361**	0.581**	0.318**
DECENT ₁	0.427**	1	0.446**	0.293**	0.217**
DECENT ₂	0.361**	0.446**	1	0.324**	0.196*
AGGLO	0.581**	0.293**	0.324**	1	0.361**
OPEN	0.318**	0.217**	0.196*	0.361**	1

Ghi chú: * $p < 0.05$, ** $p < 0.01$

Nguồn: Tác giả tính toán

Kết quả ma trận tương quan không cho thấy dấu hiệu đa cộng tuyến nghiêm trọng. Không có cặp biến nào có hệ số tương quan vượt ngưỡng 0.7. Điều này khẳng định rằng mô hình có thể tiếp tục được ước lượng bằng phương pháp hồi quy tuyến tính (Fixed Effects) mà không cần loại trừ biến.

4.2. Kết quả ước lượng hồi quy

Dữ liệu bảng được ước lượng bằng mô hình Fixed Effects (FE) để kiểm soát dị biệt không quan sát được giữa các tỉnh. Mô hình được kiểm định bằng Hausman test, cho kết quả phù hợp với lựa chọn FE. Để đảm bảo độ tin cậy trong bối cảnh dữ liệu bảng có thể tồn tại phương sai thay đổi và tự tương quan chuỗi, sai số chuẩn được hiệu chỉnh bằng phương pháp Driscoll-Kraay, vốn được khuyến nghị trong các nghiên cứu với dữ liệu bảng có kích thước không gian lớn hơn thời gian (Beck & Katz, 1995; Hoechle, 2007).

Bảng 3. Kết quả hồi quy mô hình tác động của phân cấp tài chính đến bất bình đẳng thu nhập

Biến độc lập	Hệ số Beta	Sai số chuẩn	Beta chuẩn hóa	t	Sig.
(Constant)	0.642	0.057	-	11.26	0.000***
DECENT ₁	0.428	0.093	0.316	4.6	0.000***
DECENT ₂	0.267	0.108	0.204	2.47	0.015*
AGGLO	0.612	0.082	0.388	7.46	0.000***
OPEN	0.309	0.078	0.221	3.96	0.001***
R-squared	0.487				
N (quan sát)	630				

Ghi chú: * $p < 0.05$, ** $p < 0.01$, *** $p < 0.001$.

Nguồn: Tác giả tính toán

Kết quả ước lượng cho thấy toàn bộ các biến độc lập đều có hệ số dương và ý nghĩa thống kê ở mức 5% trở xuống, trong đó ba biến đạt mức ý nghĩa rất cao ($p < 0.001$), khẳng định tính ổn định và độ tin cậy của mô hình.

Biến DECENT₁ (mức độ phân cấp chi tiêu) có hệ số 0.428, $p < 0.01$, cho thấy quyền tự chủ chi tiêu ngân sách làm gia tăng chênh lệch thu nhập giữa các địa phương. Cụ thể, khi tỷ lệ chi ngân sách địa phương tăng thêm 10 điểm phần trăm, chênh lệch thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 4,28 điểm phần trăm. Điều này phản ánh sự phân hóa rõ rệt giữa các tỉnh có năng lực tài chính cao và các tỉnh yếu kém.

Biến DECENT₂ (năng lực thu ngân sách tự chủ) có hệ số 0.267, $p = 0.015$. Khi tỷ lệ thu ngân sách tự chủ tăng thêm 10 điểm phần trăm, mức chênh lệch thu nhập tăng khoảng 2,67 điểm phần trăm. Kết quả này xác nhận vai trò quyết định của năng lực tài chính địa phương trong tạo lập khác biệt thu nhập vùng. Giả thuyết H1 được chấp nhận.

Biến AGGLO (tỷ trọng GRDP trong GDP quốc gia) có hệ số 0.612, $p < 0.01$ - mức cao nhất trong mô hình - cho thấy sự tập trung sản xuất tại các trung tâm đô thị là động lực chính làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập. Kết quả này củng cố Giả thuyết H2, phản ánh xu hướng “siêu tập trung” tại các đô thị lớn.

Biến OPEN (độ mở thương mại) có hệ số 0.309, $p = 0.001$, cho thấy hội nhập kinh tế làm gia tăng phân hóa thu nhập giữa các tỉnh. Các địa phương ven biển có lợi thế thương mại vượt trội trong khi các vùng nội địa khó tiếp cận chuỗi giá trị toàn cầu. Giả thuyết H3 được xác nhận.

5. Thảo luận kết quả nghiên cứu

5.1. Phân cấp tài chính và bất bình đẳng thu nhập giữa các địa phương

Kết quả thực nghiệm cho thấy phân cấp tài chính - cả theo chiều chi tiêu (DECENT₁) lẫn thu ngân sách (DECENT₂) - có mối quan hệ dương và có ý nghĩa thống kê với chênh lệch thu nhập giữa các địa phương. Khi chính quyền địa phương được trao quyền tự chủ tài khóa lớn hơn, họ có xu hướng triển khai các chương trình phát triển phù hợp với đặc thù địa phương, qua đó cải thiện dịch vụ công và thu hút đầu tư. Tuy nhiên, trong bối cảnh năng lực tài khóa và quản trị không đồng đều, phân cấp lại trở thành cơ chế khuếch đại bất bình đẳng thu nhập vùng. Ba nguyên nhân chính lý giải kết quả này:

Thứ nhất, cơ chế phân bổ ngân sách hiện hành thiếu tính tái phân phối. Việc phân bổ dựa chủ yếu vào dân số, địa bàn và khả năng thu ngân sách hiện tại, trong khi chưa tính đến mức độ nghèo, hạ tầng hay chênh lệch phát triển, dẫn đến hiện tượng “bẫy phụ thuộc tài khóa”, khiến các tỉnh nghèo khó có khả năng bứt phá (Bird & Smart, 2002).

Thứ hai, năng lực quản trị tài chính công ở nhiều địa phương còn hạn chế. Thiếu hụt chuyên môn trong lập kế hoạch, đánh giá đầu tư và giám sát ngân sách khiến nguồn lực bị sử dụng kém hiệu quả, thậm chí phân bổ sai mục tiêu.

Thứ ba, cơ cấu chi ngân sách địa phương còn mất cân đối. Tỷ trọng chi thường xuyên (lương, bộ máy hành chính) quá cao, trong khi chi đầu tư phát triển - hạ tầng, giáo dục, y tế - lại thấp. Theo Bộ Tài chính (2024), nhiều tỉnh có tỷ lệ chi đầu tư dưới 20%, trong khi chi thường xuyên chiếm tới 70-80%, làm suy giảm khả năng nâng cao năng suất và thu nhập dài hạn.

5.2. Tập trung sản xuất và bất bình đẳng thu nhập

Kết quả hồi quy cho thấy biến AGGLO - đại diện cho mức độ tập trung sản xuất - có hệ số lớn nhất và có ý nghĩa thống kê cao, cho thấy mối quan hệ dương rõ rệt giữa sự tập trung kinh tế và bất bình đẳng thu nhập vùng. Điều này phù hợp với lý thuyết Địa kinh tế mới (New Economic Geography) của Krugman (1991), theo đó các trung tâm sản xuất có xu hướng tích tụ vốn, lao động tay nghề cao và công nghệ, từ đó gia tăng năng suất và thu nhập vượt trội so với các vùng khác.

Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy điều này đang diễn ra mạnh mẽ, với các “cực tăng trưởng” như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Hải Phòng... liên tục duy trì mức GRDP bình quân đầu người cao gấp 1,5-2 lần so với trung bình cả nước. Trong khi đó, các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên hoặc một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long lại tụt hậu do thiếu hạ tầng, lao động chất lượng và khả năng thu hút đầu tư.

Giống với các phát hiện của Rodríguez-Pose và Gill (2003), hiện tượng tăng trưởng tập trung tại một số vùng không đi kèm với lan tỏa sang các vùng lân cận, do thiếu kết nối hạ tầng và thể chế điều phối vùng hiệu quả. Điều này khiến bất bình đẳng không gian trở thành hiện tượng bền vững, khó đảo ngược nếu không có thay đổi lớn trong chính sách đầu tư công và phân bổ ngân sách.

5.3. Độ mở thương mại và phân hóa thu nhập vùng

Biến OPEN có mối tương quan dương và có ý nghĩa thống kê rõ rệt với mức chênh lệch thu nhập giữa các tỉnh. Điều này cho thấy hội nhập kinh tế quốc tế - nếu không được điều phối tốt - có thể dẫn đến sự phân hóa thu nhập sâu sắc giữa các vùng. Các tỉnh có hạ tầng giao thông hiện đại, cảng biển, khu công nghiệp và nền tảng sản xuất tốt, như Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bắc Ninh, dễ dàng tận dụng cơ hội từ toàn cầu hóa và xuất khẩu, trong khi các tỉnh nội địa, miền núi hoặc vùng sâu vùng xa lại hầu như không tham gia được vào chuỗi giá trị toàn cầu.

6. Kết luận và khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu cho thấy phân cấp tài chính, trong điều kiện thiếu cơ chế điều tiết và năng lực quản trị chưa đồng đều, có xu hướng làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập giữa các địa phương. Tập trung sản xuất và hội nhập thương mại cũng góp phần sâu sắc hóa phân hóa không gian kinh tế, phản ánh sự bất cân xứng trong phân bổ và thụ hưởng nguồn lực phát triển.

Từ đó, nghiên cứu đề xuất ba nhóm chính sách: i) Cải cách hệ thống chuyển giao tài khóa theo hướng công bằng, ưu tiên các khoản chuyển giao điều tiết (equalization transfers) dựa trên năng lực thu, mức độ phát triển và chỉ số nghèo đa chiều (Boadway & Shah, 2007) ii) Tăng cường tự chủ tài chính gắn với trách nhiệm giải trình, thông qua công khai ngân sách, kiểm toán độc lập và nâng cao năng lực cán bộ địa phương (Martínez-Vázquez & McNab, 2003); iii) Ưu tiên đầu tư công có tính lan tỏa, đặc biệt trong hạ tầng liên kết vùng, giáo dục và y tế cơ bản - các yếu tố nền tảng cho tăng trưởng bao trùm và thu hẹp cách biệt phát triển (World Bank, 2022).

Tóm lại, phân cấp tài chính chỉ phát huy hiệu quả khi được đặt trong một khung thể chế vững chắc, đảm bảo công bằng và nâng cao năng lực thực thi tại địa phương - điều kiện then chốt để thúc đẩy phát triển vùng bền vững và cân bằng.

Tài liệu tham khảo:

- Baltagi, B. H. (2005). *Econometric analysis of panel data* (3rd ed.). John Wiley & Sons.
- Bird, R., & Smart, M. (2002). Intergovernmental fiscal transfers: International lessons for developing countries. *World Development*, 30(6), 899-912.
- Driscoll, J. C., & Kraay, A. C. (1998). Consistent covariance matrix estimation with spatially dependent panel data. *The Review of Economics and Statistics*, 80(4), 549-560.
- Henderson, J. V. (2003). The urbanization process and economic growth: The so-what question. *Journal of Economic Growth*, 8(1), 47-71.
- Krugman, P. R. (1991). Increasing returns and economic geography. *Journal of Political Economy*, 99(3), 483-499.
- Martínez-Vázquez, J., & McNab, R. M. (2003). Fiscal decentralization and economic growth. *World Development*, 31(9), 1597-1616.
- Nguyễn, H. T., & Lê, H. M. (2019). Phân cấp tài khóa và hiệu quả chi tiêu công tại Việt Nam: Nghiên cứu thực nghiệm cấp tỉnh. *Tạp chí Tài chính*, 6(3), 25-39.
- Oates, W. E. (1972). *Fiscal federalism*. Harcourt Brace Jovanovich.
- Phạm, Q. A. (2020). Phân tích tác động của phân cấp tài khóa đến hiệu quả chi tiêu công tại Việt Nam (Luận án tiến sĩ). Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Qiao, B., Martínez-Vázquez, J., & Xu, Y. (2002). Growth and equity tradeoff in decentralization: Chinese style. *Journal of Development Economics*, 76(1), 157-180.
- Rodríguez-Pose, A., & Gill, N. (2003). The global trend towards devolution and its implications. *Environment and Planning C: Government and Policy*, 21(3), 333-351.
- Shankar, R., & Shah, A. (2001). Bridging the economic divide within nations: A scorecard on the performance of regional development policies. *World Bank Policy Research Working Paper No. 2717*.
- Tổng cục Hải quan. (2015-2024). *Niên giám xuất nhập khẩu Việt Nam*. Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê. (2015-2024). *Niên giám thống kê các năm*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
- Trần, V. H., & Phan, T. M. (2021). Phân cấp tài chính và kỷ luật ngân sách tại các địa phương ở Việt Nam. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 33(2), 56-72.
- UNDP. (2020). *Vietnam Human Development Report 2020: Inclusive growth for an equitable society*.
- World Bank. (2022). *Vietnam: Toward a safe, green, and inclusive recovery*. Washington, DC: World Bank Group.